TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2023/DS-ST
Ngày: 09-05-2023.
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Mỹ Hạnh.

2. Bà Lê Thị Ngọc Ánh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:* Ông Đỗ Huỳnh T1 Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 05 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 358/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXX-ST ngày 14 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1961;

Địa chỉ: ấp QT, xã QL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Hoàng Vu, sinh năm 1968; Địa chỉ thường trú: phường A, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; Địa chỉ liên hệ: phường A, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền ngày 05/7/2022) (có mặt).

* Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Huỳnh T1, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: ấp ĐL, xã LBĐ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Võ Văn Tr, sinh năm 1975 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: phường B, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp BTĐ, xã BP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2022 và quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị T và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Hoàng V trình bày:

- Ngày 07/9/2019, bà Tcó cho bà T1 vay số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả là tháng 03/2020. Bà T1 chưa trả vốn và lãi cho bà T.

- Ngày 10/10/2020, bà T có cho bà T1 vay số tiền là 120.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả là tháng 06/2021. Bà T1 chưa trả vốn và lãi cho bà T.

- Trước đây bà T1 có vay của bà T số tiền là 460.000.000 đồng, vay làm nhiều lần vào các ngày 12/01/2020 số tiền 100.000.000 đồng, ngày 11/3/2020 số tiền 150.000.000 đồng, ngày 06/3/2020 số tiền 150.000.000 đồng, ngày 15/3/2020 số tiền 60.000.000 đồng. Sau đó bà T có cho bà T1 mượn thêm 140.000.000 đồng không nhớ ngày. Do bà T1 chậm trả tiền, bà T có gặp bà T1 nói số tiền 600.000.0000 đồng là của ông Võ Văn Tr cho bà T mượn. Do bà T1 chậm trả ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T nên bà T, ông Tr và bà T1 thống nhất sang lại số tiền nợ này qua cho ông Tr, để bà T1 có nghĩa vụ trả nợ số tiền 600.000.000 đồng cho ông Tr. Bà T1 vẫn không trả cho ông Tr nên ngày 01/7/2022, bà T, bà T1, ông Tr thỏa thuận thống nhất sang số tiền nợ 600.000.000 đồng lại cho bà T, từ ngày 01/7/2022 bà T1 có trách nhiệm trả số tiền 600.000.000 đồng cho bà T, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là tháng 08/2022. Biên nhận bà T1 cung cấp ngày 15/02/2022 đúng là do bà T viết nội dung "đã nhận 460.000.000 đồng từ bà T1" nhưng thật ra là chuyển số tiền 460.000.000 đồng cộng gộp vào biên nhận 600.000.000 đồng ngày 01/7/2022. Biên nhận ngày 19/9/2020 và biên nhận ngày 01/7/2022 là một biên nhận, ngày 19/9/2020 là ngày gộp tổng số tiền nợ 600.000.000 đồng giữa bà T và bà T1, ngày 01/7/2022 là ngày ông Tr sang lại số

tiền nợ 600.000.000 đồng lại cho bà T, bà T mới yêu cầu bà T1 ký tên xác nhận lại số nợ 600.000.000 đồng.

Hiện nay bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị Huỳnh T1 hoàn trả cho bà Lê Thị T số tiền 820.000.000 đồng + tiền lãi với lãi suất 1%/tháng, cụ thể như sau:

- Số tiền 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 07/9/2019, tính lãi từ ngày 07/9/2019 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử (trước đây theo đơn khởi kiện do đánh máy nhầm nên ghi ngày tính lãi là 07/9/2020, nay bà xin xác định lại ngày tính lãi là ngày 07/9/2019)

- Số tiền 120.000.000 đồng theo biên nhận ngày 10/10/2020, tính lãi từ ngày 10/10/2020 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

- Số tiền 600.000.000 đồng theo biên nhận ngày 19/9/2019, tính lãi từ ngày 19/9/2019 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh T1 trình bày:

- Số tiền 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 07/9/2019, bà đã trả xong cho bà T nhưng chưa lấy lại biên nhận. Nội dung biên nhận là do bà viết, ký tên và ghi họ tên.

- Số tiền 120.000.000 đồng theo biên nhận ngày 10/10/2020 là tiền lãi của số tiền 460.000.000 đồng bà mượn bà T trước đó, nội dung biên nhận là do bà viết, ký tên và ghi họ tên. Số tiền 460.000.000 đồng bà mượn cụ thể như sau:

+ Ngày 7/7/2018 mượn số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng.

+ Ngày 22/8/2018 mượn số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng.

+ Ngày 18/10/2018 mượn số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng.

+ Ngày 29/12/2018 mượn số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng.

+ Ngày 26/7/2019 mượn số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng.

+ Ngày 11/8/2019 mượn số tiền 65.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng và 15.000.000 đồng không lãi.

+ Ngày 7/9/2019 mượn số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng.

- Biên nhận 600.000.000 đồng ngày 01/7/2022 là gồm 460.000.000 đồng bà mượn nêu trên + 120.000.000 đồng theo biên nhận ngày 10/10/2020 + 20.000.000

đồng tiền lãi, lãi suất là 5%/tháng. Nội dung xác nhận nợ ngày 01/7/2022 là do bà viết, ký tên và ghi họ tên. Nguyên nhân có xác nhận nợ ngày 01/7/2022 là do giữa bà, bà T, ông Tr thỏa thuận thống nhất sang số tiền 600.000.000 đồng bà nợ ông Tr qua cho bà T, thỏa thuận từ ngày 01/7/2022 bà có trách nhiệm trả số tiền 600.000.000 đồng này cho bà T. Biên nhận ngày 15/02/2022 bà cung cấp, mục đích khi ghi biên nhận này là do lúc đó bà T gộp số tiền 460.000.000 đồng và lãi lại thành 600.000.000 đồng theo biên nhận ngày 01/7/2022, bà T không đem theo các biên nhận cũ nên bà mới yêu cầu bà T ghi cho bà nội dung biên nhận này.

Nay bà chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền là 600.000.000 đồng theo xác nhận ngày 01/7/2022, xin không trả lãi. Đối với số tiền 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 07/9/2019 và 120.000.000 đồng theo biên nhận ngày 10/10/2020, bà không đồng ý trả.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn Tr trình bày: Ngày 01/7/2022, ông, bà T1 và bà T ngồi lại để thỏa thuận chuyển số tiền bà T1 nợ bà là 600.000.000 đồng sang cho bà T. Các bên thống nhất từ ngày 01/7/2022, bà T1 có trách nhiệm trả số tiền 600.000.000 đồng này cho bà T. Ngoài ra ông không có ý kiến gì thêm.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn N: Trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông N biết để tham gia theo quy định nhưng ông N vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Hoàng V yêu cầu bà Nguyễn Thị Huỳnh T1 hoàn trả cho bà Lê Thị T số tiền 820.000.000 đồng + tiền lãi với lãi suất 1%/tháng, cụ thể như sau:

- Tiền lãi của số tiền 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 07/9/2019, tính lãi từ ngày 07/9/2019 đến ngày 09/5/2023 làm tròn 44 tháng: 100.000.000 đồng x 44 tháng x 1%/tháng = 44.000.000 đồng.

- Tiền lãi của số tiền 120.000.000 đồng theo biên nhận ngày 10/10/2020, tính lãi từ ngày 10/10/2020 đến ngày 09/5/2023 làm tròn 30,5 tháng: 120.000.000 đồng x 30,5 tháng x 1%/tháng = 36.600.000 đồng.

- Tiền lãi của số tiền 600.000.000 đồng theo biên nhận ngày 01/7/2022, tính

lãi từ ngày 01/7/2022 đến ngày 09/5/2023 làm tròn l0 tháng: 600.000.000 đồng x 1%/tháng x 10 tháng = 60.000.000 đồng.

Tổng tiền lãi của ba khoản tiền 100.000.000 đồng, 120.000.000 đồng và 600.000.000 đồng là 140.600.000 đồng. Phía nguyên đơn đồng ý chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Huỳnh T1 trả số tiền lãi là 130.000.000 đồng.

Tổng số tiền vốn và lãi nguyên đơn yêu cầu bà T1 có trách nhiệm trả cho bà T là 950.000.000 đồng.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh T1 đồng ý trả cho bà T số tiền là 600.000.000 đồng theo xác nhận ngày 01/7/2022, xin không trả lãi; không đồng ý trả số tiền 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 07/9/2019 và 120.000.000 đồng theo biên nhận ngày 10/10/2020.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Buộc bà T1 có trách nhiệm trả cho bà T số tiền như sau:

Số tiền 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 07/9/2013 và số tiền lãi theo quy định pháp luật tính lãi từ ngày 07/9/2013 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Số tiền 120.000.000 đồng theo biên nhận ngày 10/10/2020 và số tiền lãi theo quy định pháp luật tính lãi từ ngày 10/10/2020 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Số tiền 600.000.000 đồng theo biên nhận ngày 01/7/2022 và số tiền lãi theo quy định pháp luật tính lãi từ ngày 01/7/2022 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn Tr có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Tr và ông N.

[1.2] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện bà Lê Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh T1 trả cho bà T số tiền vốn 820.000.000 đồng và tiền lãi. Bà Nguyễn Thị Huỳnh T1 cư trú tại ấp ĐL, xã LBĐ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ theo quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo và quan hệ pháp luật tranh chấp là "hợp đồng vay tài sản " qui định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh T1 trả tiền lãi của số tiền 600.000.000 đồng với lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 01/7/2022 đến ngày 09/5/2023 (làm tròn là 10 tháng) và đồng ý chỉ buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh T1 trả tổng tiền lãi của ba khoản tiền 100.000.000 đồng, 120.000.000 đồng và 600.000.000 đồng là 130.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái đạo đức xã hội và việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu phù hợp với quy định tại Điều 71, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[1.4] Về thời hạn, thời hiệu: Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hạn, thời hiệu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2]. Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về số tiền nợ:

[2.1] Bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh T1 thừa nhận 03 biên nhận ngày 07/9/2019, ngày 10/10/2020 và ngày 01/7/2022 do nguyên đơn cung cấp là do bà viết, ký tên và ghi rõ họ tên nhưng bà T1 khai số tiền 120.000.000 đồng theo biên nhận ngày 10/10/2020 là tiền lãi, số tiền 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 07/9/2019 đã được gộp chung vào biên nhận ngày 01/7/2022. Tại phiên tòa sơ thẩm

và trong quá trình giải quyết vụ án bà T1 thừa nhận không đưa ra chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình; phía nguyên đơn không thừa nhận.

Căn cứ theo các biên nhận mượn tiền và lời khai của bà Nguyễn Thị Huỳnh T1 thừa nhận biên nhận ngày 07/9/2019, ngày 10/10/2020 và ngày 01/7/2022 là do bà T1 viết và ký tên; bà T1 không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời khai nại của mình. Do đó, việc bà T yêu cầu bà T1 trả số tiền còn nợ là 820.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi: Phía nguyên đơn khai việc vay mượn tiền giữa bà T và bà T1 có thỏa Tận lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay là 3 tháng đến 06 tháng. Phía bà T1 khai việc vay mượn tiền giữa bà T1 và bà T có thỏa Tận lãi suất là 5 đến 6%/tháng.Theo lời khai của các đương sự việc vay tiền giữa bà T và bà T1 là có thỏa Tận lãi suất.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu bà T1 có trách nhiệm trả số tiền lãi là 130.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Tiền lãi của số tiền 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 07/9/2019, tính lãi từ ngày 07/9/2019 đến ngày 09/5/2023 làm tròn 44 tháng: 100.000.000 đồng x 44 tháng x 1%/tháng = 44.000.000 đồng.

- Tiền lãi của số tiền 120.000.000 đồng theo biên nhận ngày 10/10/2020, tính lãi từ ngày 10/10/2020 đến ngày 09/5/2023 làm tròn 30,5 tháng: 120.000.000 đồng x 30,5 tháng x 1%/tháng = 36.600.000 đồng.

- Tiền lãi của số tiền 600.000.000 đồng theo biên nhận ngày 01/7/2022, tính lãi từ ngày 01/7/2022 đến ngày 09/5/2023 làm tròn l0 tháng: 600.000.000 đồng x 1%/tháng x 10 tháng = 60.000.000 đồng.

Tổng tiền lãi của ba khoản tiền 100.000.000 đồng, 120.000.000 đồng và 600.000.000 đồng là 140.600.000 đồng. Phía nguyên đơn đồng ý giảm lãi, chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Huỳnh T1 trả số tiền lãi là 130.000.000 đồng.

Căn cứ các điều 357, 440, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số tiền lãi 130.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Phía nguyên đơn cho rằng từ lúc vay đến nay bà T1 không trả lãi lần nào. Phía bà T1 không đưa ra được chứng cứ chứng minh và không yêu cầu giải

quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Huỳnh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 71; Điều 91; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 244; Điều 264; Điều 267; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh T1 có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị T số tiền 950.000.000 đồng (Chín trăm năm mươi triệu đồng) gồm 820.000.000 đồng tiền vốn và 130.000.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ theo nội dung quyết định này thì hàng tháng phải trả tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Huỳnh T1 phải chịu 40.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại bà Lê Thị T 10.400.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên T tạm ứng án phí số 0025254 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

3. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CCTHADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Phương Dung